

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../20.../QH...

Hà Nội, ngày... thángnăm ...

DỰ THẢO

LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG Lãng PHÍ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Nội dung tiết kiệm, chống lãng phí đối với lĩnh vực năng lượng không được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước.
- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. ~~Tổ chức chính trị~~ Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

6. Doanh nghiệp nhà nước.

7. D

~~6. Doanh nghiệp~~, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Khu vực nhà nước*” bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động, do Nhà nước trực tiếp quản lý nhằm thực hiện chức năng quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. “*Lãng phí*” là việc quản lý, sử dụng vượt quá định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

3. “*Người đấu tranh chống lãng phí*” là cá nhân thực hiện việc phản ánh, tố cáo, tố giác hành vi gây lãng phí của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến các lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Luật này.

4. “*Người thân của người đấu tranh chống lãng phí*” được bảo vệ” gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người đấu tranh chống lãng phí.

5. “*Tài chính công*” bao gồm ngân sách nhà nước; dự trữ quốc gia; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tài chính của các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hoá công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước; các khoản nợ công.

6. “*Tài sản công*” bao gồm tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công nhằm bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

76. “*Tiết kiệm*” là việc quản lý, sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định.

87. “*Vốn nhà nước*” bao gồm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vốn nhà nước tại các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các vốn khác do Nhà nước quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí

1. Tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, thanh tra, giám sát.

2. Tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện ngay từ khâu xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi tiết

kiệm, chống lãng phí, cơ quan chủ trì lập đề xuất chính sách, soạn thảo văn bản phải xác định cụ thể các biện pháp chống lãng phí, đánh giá tác động và nêu rõ tại các ~~dự thảo~~ Tờ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí phải được thường xuyên thực hiện nhằm kịp thời phát hiện những điểm nghẽn, nút thắt và đề xuất giải pháp, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tiết kiệm, chống lãng phí phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với cải cách hành chính và bảo đảm đạt được mục tiêu đã định, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

5. Thực hiện phân cấp quản lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức để tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí phải được đưa vào nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước. Khuyến khích đưa nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào điều lệ, nội quy, quy chế, quy định của tổ chức, doanh nghiệp; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

8. Bảo đảm quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

9. Giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh phù hợp với hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tránh lãng phí làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng; không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây ô nhiễm môi trường.

~~7. Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí phải được đưa vào nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước.~~

~~8. Bảo đảm quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.~~

~~9. Giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh; tránh lãng phí làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng; phù hợp với hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.~~

~~10. Khuyến khích đưa nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào điều lệ, nội quy, quy chế, quy định của tổ chức, doanh nghiệp; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.~~

~~11. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng; không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không gây ô nhiễm môi trường.~~

~~7. Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí phải được đưa vào nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước.~~

~~1028. Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục về tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống giáo dục quốc dân.~~

~~9. Khuyến khích đưa nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.~~

Điều 5. Phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí, bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí

1. Thông tin phát hiện lãng phí bao gồm:

- a) Tin, bài được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Ý kiến phản ánh, kiến nghị, tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Công dân có quyền cung cấp thông tin cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi để xảy ra lãng phí, thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp, cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước để xem xét, giải quyết hoặc đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác của thông tin phát hiện. Trường hợp cố ý cung cấp thông tin sai sự thật, lợi dụng thông tin gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, uy tín của người khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm kiểm tra, làm rõ thông tin phát hiện lãng phí; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và công khai kết quả xử lý; giải trình trước cơ quan chức năng về việc để xảy ra lãng phí.

4. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, phản ánh hành vi gây lãng phí.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người đấu tranh chống lãng phí và người thân của người đấu tranh chống lãng phí.

7. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý thông tin và biện pháp bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí và người thân của người đấu tranh chống lãng phí.

Điều 6. Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí

Ngày 31 tháng 5 hằng năm là ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ đề ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm.

Chương II

TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Mục 1

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 7. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí là kế hoạch tổng thể do Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm định hướng và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống lãng phí trong mọi lĩnh vực của quốc gia.

2. Nội dung chủ yếu của Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí bao gồm:

- a) Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nguyên tắc thực hiện.
- b) Nhiệm vụ, giải pháp theo các lĩnh vực trọng tâm về phòng, chống lãng phí.
- c) Lộ trình thực hiện, trong đó cần xác định được mục tiêu cần đạt theo từng giai đoạn cụ thể.
- d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống lãng phí.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

Điều 8. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

1. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng hằng năm, bao gồm:

- a) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương.
- b) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, tài nguyên, năng lượng, lao động trong khu vực nhà nước.

2. Nội dung chủ yếu của Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

c) Biện pháp bảo đảm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí đề ra.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Trách nhiệm báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trách nhiệm xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, dự báo nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của năm tiếp theo để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của cơ quan, tổ chức trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí; hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và thực tế hoạt động của địa phương để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm của địa phương trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

c) Người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, tài nguyên, năng lượng, lao động trong khu vực nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách theo hướng dẫn của Bộ, ngành, địa phương chủ quản.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan mình; chỉ đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí đã xây dựng.

b) **Thanh tra, Kiểm tra** theo định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các nội dung tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

c) Xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành, thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Trước ngày 01 tháng 9 hằng năm, ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của năm sau.

b) Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; việc xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xử lý theo thẩm quyền đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

Mục 2 **CÔNG KHAI VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Điều 10. Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí

Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

1. Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm; hành vi gây lãng phí và kết quả xử lý hành vi gây lãng phí. Trong đó, việc công khai về hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải có đủ các thông tin về hành vi gây lãng phí; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, **cá nhân** có hành vi gây lãng phí; biện pháp đã xử lý đối với người có hành vi gây lãng phí.

3. Thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này được công khai theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 11. Hình thức công khai

1. Việc công khai Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí thực hiện theo hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ.

2. Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí; hành vi gây lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức;

b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Ngoài các hình thức công khai bắt buộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị được lựa chọn thêm hình thức công khai khác theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Điều 10, Điều 11 Luật này.

Điều 12. ~~Thời điểm công khai~~

~~1. Nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Luật này được công khai chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ra quyết định xử lý.~~

~~2. Thời điểm công khai đối với các thông tin quy định khoản 3 Điều 10 Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.~~

Điều 13. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí là tập hợp các dữ liệu, thông tin, chỉ tiêu, số liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí do Bộ Tài chính thống nhất quản lý để phục vụ công tác quản lý nhà nước, theo dõi, báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi cả nước.

2. Chính phủ quy định chi tiết về việc xây dựng, vận hành, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

~~1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí là cơ sở dữ liệu dùng chung, tập hợp thông tin, chỉ tiêu, số liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến công tác tiết kiệm, chống lãng phí được số hoá, chuẩn hoá, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ theo dõi, quản lý, giám sát và báo cáo tình hình tiết kiệm, chống lãng phí.~~

~~2. Chính phủ quy định chi tiết về việc xây dựng, vận hành, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.~~

Mục 3

THANH TRA, KIỂM TRA, KIỂM TOÁN, GIÁM SÁT VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 134. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, bao gồm việc tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức; kiểm tra của cơ quan, tổ chức cấp trên với cơ quan, tổ chức cấp dưới và cá nhân có liên quan; kiểm tra của cơ quan nhà nước theo từng lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nội dung kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; việc xây dựng, ban hành thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Điều 8 Luật này;

b) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Việc công khai về tiết kiệm, chống lãng phí;

d) Tình hình ban hành, thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định pháp luật chuyên ngành.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 145. Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí

Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện thông qua hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 156. Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí

Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, tài nguyên và năng lượng của các cơ quan, tổ chức.

Điều 167. Giám sát về tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công dân có quyền giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí thông qua hình thức tố giác, khiếu nại, tố cáo hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phát hiện và kịp thời phản ánh cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi gây lãng phí.

2. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

Mục 4

HÀNH VI GÂY LÃNG PHÍ VÀ HÀNH VI VI PHẠM TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 178. Hành vi gây lãng phí

1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các nhóm hành vi sau:

a) Hành vi gây lãng phí liên quan đến xây dựng, ban hành thể chế trong các lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Luật này;

b) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, quản lý nợ công;

c) Hành vi gây lãng phí trong mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công;

d) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;

đ) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

e) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

g) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công;

h) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

i) Hành vi gây lãng phí khác theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 189. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí

1. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí bao gồm các nhóm hành vi sau:

a) Hành vi vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, gây lãng phí;

b) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành;

d) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí;

e) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

g) Hành vi vi phạm trong thanh tra, kiểm tra, giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

h) Hành vi vi phạm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;

i) Hành vi vi phạm trong bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí, người thân của người đấu tranh chống lãng phí.

2. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 5

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 192a. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể theo yêu cầu quản lý, phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, quyết định chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể của ngành, lĩnh vực trọng yếu trong chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của các bộ, ngành và địa phương.

3. Quy định chế độ báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí; tổng hợp báo cáo Quốc hội kết quả tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm tại kỳ họp đầu năm sau.

4. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh và công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc giám sát tiết kiệm, chống lãng phí và chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền, vận động toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 204. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.
2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung được giao trong Luật này.
3. Quyết định chủ đề của ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 212. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách và biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý gắn với xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc.

2. Rà soát hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, chế độ thuộc thẩm quyền quản lý; sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn, tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực và cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

4. Tổ chức triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý. Tổng hợp kết quả tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi gây lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý, gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Chính phủ.

5. Cập nhật thông tin, chỉ tiêu, tiêu chí về tiết kiệm, chống lãng phí vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

65. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai việc xử lý vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

76. Thực hiện công khai đối với các lĩnh vực, hoạt động theo quy định của Luật này theo thẩm quyền, Luật Tiếp cận thông tin và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 223. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu giúp Chính phủ triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; theo dõi, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí hằng năm; đề xuất sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí chung trong phạm vi cả nước trình Chính phủ.

4. Thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ đề và kế hoạch triển khai hoạt động hưởng ứng ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trước ngày 01 tháng 5 hằng năm.

Điều 234. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ban hành quy định để thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương.

2. Quyết định các chủ trương, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí gắn với thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương; giám sát việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Luật này và kết quả thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

Điều 245. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí hằng năm.

3. Tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan tài chính cấp trên kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi lãng phí ở địa phương.

4. Cập nhật thông tin, chỉ tiêu, tiêu chí về tiết kiệm, chống lãng phí vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định.

45. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng thẩm quyền và thực hiện công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

65. Thực hiện công khai đối với các lĩnh vực, hoạt động theo quy định của Luật này theo thẩm quyền, theo phân cấp tại địa phương và theo quy định pháp

luật có liên quan; bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của công dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 256. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức của nhà nước; giám sát việc xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân xã, phường, ~~thị trấn~~; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; Ban Chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước tổ chức hoạt động giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động giám sát và phản biện xã hội trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 267. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra

1. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra có trách nhiệm triển khai, tổ chức, chỉ đạo việc thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí theo các nguyên tắc sau đây:

a) Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật và định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Việc thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh tra việc tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo Định hướng chương trình, kế hoạch thanh tra, gắn với hoạt động thanh tra trong từng lĩnh vực bảo đảm khách quan, trung thực.

d) Hoạt động thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí phải theo đúng quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hình thức thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Thanh tra theo kế hoạch;

b) Thanh tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền thanh tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống lãng phí hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao hoặc đề nghị.

3. Kết luận thanh tra về tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan thanh tra có trách nhiệm kiến nghị kịp thời và chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

Điều 278. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thực hiện công khai các kết quả kiểm toán liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiến nghị kịp thời và chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

Điều 289. Trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khi nhận được tố giác, tin báo của cá nhân, cơ quan, tổ chức, kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước về vụ việc lãng phí có dấu hiệu tội phạm phải thụ lý, giải quyết theo trình tự của pháp luật về tố tụng hình sự. Kết quả giải quyết kiến nghị khởi tố phải được thông báo cho cơ quan đã kiến nghị bằng văn bản; trường hợp không khởi tố, phải nêu rõ lý do.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 293. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí. Chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý.

2. Chịu trách nhiệm đưa nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí vào nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về việc ban hành các văn bản cá biệt không phù hợp thực tiễn hoặc trái pháp luật, gây lãng phí.

4. Chịu trách nhiệm cá nhân về việc tổ chức thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch và giải trình về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình.

5. Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mà mình phụ trách đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo quy định và chịu trách nhiệm đối với việc không báo cáo hoặc chậm báo cáo, báo cáo không đầy đủ các thông tin theo quy định, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 167 của Luật này. Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện.

7. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

8. Chỉ đạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách theo đúng thẩm quyền, thời hạn, nội dung theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành các văn bản này.

9. Thực hiện việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

10. Chịu trách nhiệm bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí, người thân của người đấu tranh chống lãng phí theo quy định.

Điều 304. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao.

2. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.

3. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo đúng nội quy, quy chế làm việc mà cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý đã ban hành.

4. Tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.

5. Cho ý kiến đối với các biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức khi được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến.

6. Được đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo

gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật.

Chương III

TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG CỦA NHÂN DÂN

~~Điều 32. Nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân~~

- ~~1. Bảo đảm quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.~~
- ~~2. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng; không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không gây ô nhiễm môi trường.~~
- ~~3. Giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh; tránh lãng phí làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng; phù hợp với hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.~~

Điều 33~~12~~. Tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân

1. Các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định về bảo vệ môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
2. Việc sử dụng vốn, lao động, tài nguyên, năng lượng và các nguồn lực khác trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh phải trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.
3. Nhà nước khuyến khích tổ chức và cá nhân tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng để dành vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh và các hình thức đầu tư khác mà pháp luật không cấm.

Điều 34~~23~~. Tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng

1. Việc tổ chức lễ hội và các hoạt động văn hoá khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng phải bảo đảm tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh, tránh lãng phí.
2. Tổ chức, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều này để xảy ra lãng phí phải thực hiện giải trình trước cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan thông tin đại chúng và cơ quan quản lý chuyên ngành nơi diễn ra hoạt động tổ chức.

Điều 35~~34~~. Tổ chức thực hiện quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân

1. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân; quy định chính sách khuyến khích toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo thẩm quyền quyết định quy mô lễ hội và các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn; quy định về chính sách khuyến khích tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang; có trách nhiệm tổ chức triển khai phong trào tiết kiệm, chống lãng phí trong Nhân dân, quy định các hình thức biểu dương, khen thưởng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

~~3. Khuyến khích đưa nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào điều lệ, nội quy, quy chế, quy định của tổ chức, doanh nghiệp.~~

43. Cơ quan thông tin đại chúng kịp thời tuyên truyền, cổ vũ, biểu dương gương người tốt, việc tốt trong việc tiết kiệm, chống lãng phí; lên án, phê phán hành vi gây lãng phí.

Chương IV KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36~~45~~. Khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích dưới đây thì được khen thưởng:

a) Hoàn thành, hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao;

b) Có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể;

c) Đấu tranh chống lãng phí đúng sự thật.

2. Nguồn kinh phí thực hiện khen thưởng:

a) Nguồn tiền thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Nguồn kinh phí tiết kiệm do áp dụng giải pháp, sáng kiến mang lại;

c) Nguồn kinh phí được giao tự chủ của cơ quan, tổ chức;

d) Quỹ tiền thưởng hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài nguồn tiền thưởng quy định tại điểm a khoản này;

đ) Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định cụ thể cách xác định và việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện khen thưởng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 37~~56~~. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Luật này để xảy ra lãng phí thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức, để xảy ra hành vi lãng phí của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ hoặc không xử lý hành vi lãng phí theo thẩm quyền thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức cấp dưới và trong cơ quan, tổ chức do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách và bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4.- Cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hành vi gây lãng phí, hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật có liên quan và của cấp có thẩm quyền.~~Cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ gây ra lãng phí được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp sau đây:~~

~~a) Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định bằng văn bản trước khi chấp hành;~~

~~b) Thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép và được cấp có thẩm quyền xác định đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung;~~

~~c) Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật;~~

~~d) Đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn gây ra thiệt hại vì lý do khách quan;~~

~~đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của cấp có thẩm quyền.~~

~~Việc loại trừ, miễn, giảm nhẹ trách nhiệm pháp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và của cấp có thẩm quyền.~~

5. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với từng hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38~~67~~. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Việc xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 được thực hiện theo quy định tại Điều 8, ~~Điều 9~~ của Luật này.

3. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

4. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao tại Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI